

Số: 139/BC-UBND

Bắc Giang, ngày 02 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2022;
Dự toán và phân bổ dự toán NSNN năm 2023;
Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2023 – 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thực hiện quy định của Luật ngân sách nhà nước (NSNN), UBND tỉnh trình HĐND tỉnh báo cáo về đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2022, dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2023 - 2025 như sau:

PHẦN I TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2022

Nhiệm vụ tài chính – NSNN năm 2022 được triển khai trong bối cảnh kinh tế thế giới cũng như trong nước tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine, chính sách kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt của Trung Quốc, đã ảnh hưởng đến các chuỗi cung ứng và đẩy giá xăng dầu, lương thực và một số nguyên liệu đầu vào tăng cao. Các chính sách hỗ trợ người nộp thuế cũng tác động tới tiến độ và số thu ngân sách như: Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Song, với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh nên tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2022 của tỉnh đạt được những kết quả khả quan, cụ thể như sau:

I. Công tác thu ngân sách nhà nước

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thu NSNN

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 17/01/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán NSNN năm 2022; giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương phân bổ chi tiết để kịp thời triển khai thực hiện. Đồng thời thực hiện giao nhiệm vụ trọng tâm cho người đứng đầu các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; người đứng đầu một số cơ quan Trung ương trên địa bàn và Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

Bên cạnh đó, triển khai thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2022 trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, nhiều khó khăn, thách thức đặt ra, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN được Trung ương, HĐND tỉnh giao. Cơ quan Thuế, Hải quan đã triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các biện pháp quản lý thu NSNN. Thực hiện giao chỉ tiêu phân đấu thu, chỉ tiêu xử lý nợ đọng thuế cụ thể, gắn với trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân. Tích cực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cá nhân sản xuất kinh doanh để nuôi dưỡng nguồn thu; thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ thuế ngay từ đầu năm; tập trung đôn đốc người nộp thuế thực hiện kê khai thuế, nộp thuế đúng hạn. Triển khai nghiêm túc các chính sách hỗ trợ người nộp thuế như: Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022. Đồng thời, các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, chống thất thu trên địa bàn tỉnh và Đề án tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, phân đấu đến năm 2025 cơ bản cân đối chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Bắc Giang đã góp phần quan trọng vào việc chống thất thu NSNN trên địa bàn, hiệu quả trong công tác quản lý thu, chi NSNN được nâng lên.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

Ước thu cân đối NSNN cả năm 18.175 tỷ đồng, đạt 127,5% dự toán, bằng 90,4% so với thực hiện năm 2021. Trong đó:

a. Thu nội địa: 16.409 tỷ đồng, đạt 130,7% dự toán, bằng 89,3% cùng kỳ. Trừ thu tiền sử dụng đất 9.616 tỷ đồng, thu xổ số kiến thiết 29 tỷ đồng và thu cổ tức từ lợi nhuận sau thuế 9 tỷ đồng, thì thu nội địa 6.755 tỷ đồng, đạt 123,2% dự toán, bằng 101,5% so cùng kỳ.

Có 15/16 chỉ tiêu, khu vực thu hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán giao, đó là: Thu từ DNNN địa phương đạt 180%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 166,7%; thu khác ngân sách đạt 158,7%; thu tại xã đạt 155%; thuế thu nhập cá nhân đạt 143%; thu tiền sử dụng đất đạt 136,8%; thu lệ phí trước bạ đạt 127,9%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 125%; thu phí, lệ phí đạt 114,4%; Thu cổ tức lợi nhuận sau thuế đạt 112,5%... dự toán.

Có 1/16 chỉ tiêu thu nội địa không đạt dự toán: Thuế bảo vệ môi trường, đạt 62,7% dự toán. Nguyên nhân do thực hiện Nghị quyết số 18/2022/UBNTVQH15 của UBND tỉnh giảm 50% mức thu thuế BVMT đối với xăng, dầu từ 01/4/2022, NQ số 20/UBTVQH của UBND tỉnh tiếp tục giảm 50% mức thu thuế BVMT đối với xăng, dầu từ 11/7/2022 đến 31/12/2022.

Tình hình thực hiện tại một số lĩnh vực, khoản thu quan trọng và địa bàn như sau:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước TW: Dự toán thu là 430 tỷ đồng; thực hiện 10 tháng ước đạt 87% dự toán, bằng 95,2% so cùng kỳ năm 2021. Ước thu cả năm đạt 431 tỷ đồng, tăng 01 tỷ đồng (+0,2%) so với dự

toán, bằng 93,6% so với thực hiện năm 2021. Số thu đạt khá so với dự toán là do các doanh nghiệp trọng điểm ở khu vực này hoạt động bình thường và có số thu ổn định, không có biến động lớn, tập trung chủ yếu tại một số doanh nghiệp như: Công ty than 45 - Chi nhánh Tổng công ty than Đông Bắc; Công ty Nhiệt điện Sơn Động, và Viettel chi nhánh Bắc Giang.

- Thu từ DNNN địa phương: Dự toán thu là 30 tỷ đồng; thực hiện 10 tháng ước đạt 166,6% dự toán, bằng 65,8% so cùng kỳ năm 2021. Ước thu cả năm đạt 54 tỷ đồng, tăng 24 tỷ đồng (+80%) so với dự toán, bằng 53% so với thực hiện năm 2021. Số thu ở khu vực này vẫn duy trì ổn định không có doanh nghiệp thành lập mới hoặc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngoài ra số thu ở khu vực này có xu hướng giảm dần do thực hiện chủ trương cổ phần hóa bán hết phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp cho các cổ đông. Năm 2022 chuyển 35 doanh nghiệp đã bán hết phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho các cổ đông sang quản lý tại khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh, do đó số thu so cùng kỳ giảm 35,7%.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Dự toán thu là 1.200 tỷ đồng; thực hiện 10 tháng ước đạt 92,8% dự toán, bằng 88,2% so cùng kỳ năm 2021. Ước thu cả năm đạt 1.230 tỷ đồng, bằng 102,5% so với dự toán, bằng 79,2% so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân giảm so với cùng kỳ là do: Năm 2021, thực hiện công tác thanh tra kiểm tra các đề án tăng thu nên đã truy thu thuế của các năm về trước nhiều tỷ đồng. Năm 2022, các doanh nghiệp đã dần dần đi vào nề nếp, kê khai thuế sát, đúng hơn với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình vi phạm gian lận về thuế đã giảm; một số doanh nghiệp mới thành lập đang được hưởng ưu đãi, chưa đến thời điểm phải kê khai nộp thuế. Mặt khác, do thực hiện Nghị định số 91/2022/NĐ-CP thay thế Nghị định 126/2020/NĐ-CP nên một số doanh nghiệp dự kiến có số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh năm 2022, thay vì phải tạm nộp trước ngày 30/10/2022 thì nay được lùi thời gian nộp chậm nhất trước 30/01/2023 nên làm số thu của khu vực này giảm so với cùng kỳ.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Dự toán thu là 1.200 tỷ đồng; thực hiện 10 tháng ước đạt 107,2% dự toán, bằng 107,2% so cùng kỳ năm 2021. Ước thu cả năm đạt 1.500 tỷ đồng, tăng 300 tỷ đồng (+25%) so với dự toán, bằng 101% so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân tăng là do quý IV năm 2021 kinh tế của tỉnh có mức tăng trưởng cao và được duy trì đà tăng trưởng sang những tháng trong năm 2022 (9 tháng năm 2022 GRDP của tỉnh đạt 23,98%) đã tác động tích cực đến các doanh nghiệp trên địa bàn sản xuất kinh doanh phát sinh số thuế nộp ngân sách lớn hơn so cùng kỳ điển hình như: Công ty cổ phần Sài Gòn Bắc Giang nộp: 41,8 tỷ đồng; Công ty may Hà Phong nộp: 49,8 tỷ đồng; Công ty TNHH Hòa Phú INVETST nộp 34,8 tỷ đồng; Công ty cổ phần may xuất khẩu Hà Bắc nộp: 26,3 tỷ đồng... Bên cạnh đó Cơ quan Thuế đã tập trung chỉ đạo giám sát chặt chẽ kê khai nộp thuế của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đồng thời đôn đốc nộp kịp thời số thuế phát sinh vào NSNN. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại quản lý chặt chẽ các đơn vị xây dựng cơ bản khi thanh toán công trình, khấu trừ số thuế tại nguồn theo quy định, kết quả 10 tháng ước thu được: 80 tỷ đồng.

- Thu tiền sử dụng đất: Dự toán thu là 7.030 tỷ đồng; thực hiện 10 tháng ước đạt 113% dự toán, bằng 134% so cùng kỳ năm 2021. Thị trường kinh doanh bất động sản năm 2022 tại địa bàn tỉnh vẫn duy trì tăng so với năm 2021, một số dự án đấu giá quyền sử dụng đất của các huyện, thành phố được tổ chức vào thời điểm cuối tháng 12/2021 có thời hạn nộp tiền trúng đấu giá vào những tháng đầu năm 2022. Ngoài ra UBND các huyện, thành phố và các ngành chức năng đã tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thực hiện các phương án đấu giá quyền sử dụng đất ngay từ những tháng đầu năm thành công, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời Cơ quan Thuế đôn đốc kịp thời các doanh nghiệp thực hiện dự án đô thị, dự án kinh doanh bất động sản nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, thu tiền sử dụng đất có xu hướng giảm trong các tháng gần đây do hoạt động đấu giá đất ở các địa phương có dấu hiệu chững lại. Ước thu cả năm đạt 9.616 tỷ đồng, tăng 2.586 tỷ đồng (+36,8%) so với dự toán, bằng 82,3% so với thực hiện năm 2021.

- Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán thu là 860 tỷ đồng; thực hiện 10 tháng ước đạt 129,8% dự toán, bằng 140,1% so cùng kỳ năm 2021. Ước thu cả năm đạt 1.230 tỷ đồng, tăng 370 tỷ đồng (+43%) so với dự toán, bằng 129% so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân tăng do thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh tăng cao vào quý IV năm 2021 và những tháng đầu năm 2022; mặt khác, hoạt động chuyển nhượng đất đai diễn ra sôi động nên đã phát sinh số nộp NSNN; các doanh nghiệp trên địa bàn cơ bản ổn định, SXKD tăng trưởng, thu nhập của người lao động ổn định, thực hiện quyết toán thuế TNCN tăng cao so cùng kỳ; một số DN được thành lập mới và DN mở rộng đầu tư nên đã làm tăng số chuyên gia có thu nhập cao sang làm việc.

- Lệ phí trước bạ: Dự toán thu là 560 tỷ đồng; thực hiện 10 tháng ước đạt 111,2% dự toán, bằng 133,2% so cùng kỳ năm 2021. Ước thu cả năm đạt 716 tỷ đồng, tăng 156 tỷ đồng (+27,9%) so với dự toán, bằng 115,3% so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân tăng do thị trường bất động sản tỉnh Bắc Giang đang là “tâm điểm” nóng của thị trường bất động sản vùng ven, nhiều dự án được cấp mới cũng như giao dịch chuyển nhượng nhà, đất tăng cao dẫn đến số nộp lệ phí trước bạ tăng. Ngoài ra, những tháng cuối năm 2021 đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh, mọi hoạt động sản kinh doanh của người dân và doanh nghiệp diễn ra bình thường tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có thêm thu nhập, vì vậy nhu cầu mua phương tiện cũng tăng so cùng kỳ, do đó số thu lệ phí trước bạ tăng. Tuy nhiên, từ tháng 8 năm 2022 số thu lệ phí trước bạ đã giảm so với những tháng trước, do chính sách chống thất thu thuế trong hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản của Bộ Tài chính và chính sách quản lý vốn vay đầu tư bất động sản của ngân hàng Nhà nước để tránh rủi ro “bong bóng” bất động sản.

- Thuế bảo vệ môi trường: Dự toán thu là 525 tỷ đồng; thực hiện 10 tháng ước đạt 58,8% dự toán, bằng 70,9% so cùng kỳ năm 2021. Ước thu cả năm đạt 329 tỷ đồng, giảm 196 tỷ đồng (-37,3%) so với dự toán, bằng 62,1% so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân do thực hiện Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giảm 50% mức thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu từ 01/4/2022; Nghị quyết số

20/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiếp tục giảm 50% mức thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu từ 11/7/2022, do vậy số thu thuế bảo vệ môi trường 10 tháng đầu năm giảm 190,9 tỷ đồng.

- Thu NSNN trên địa bàn huyện, thành phố: Ước 10/10 huyện, thành phố vượt dự toán: *Tân Yên 326,4%*; *Lạng Giang 202,2%*; *Yên Thế 175,5%*; *Sơn Động 136,7%*; *Lục Ngạn 132,6%*; *Yên Dũng 131,2%*; *Việt Yên 128,1%*; *Hiệp Hòa 126,1%*; *Lục Nam 114%*; *TP Bắc Giang 106,9%*. Trừ thu tiền sử dụng đất, dự kiến 10/10 huyện, thành phố vượt dự toán: *Lạng Giang 189,8%*; *Yên Thế 184,9%*; *Lục Nam 167,1%*; *Tân Yên 164,6%*; *Lục Ngạn 151,5%*; *Yên Dũng 142,8%*; *Sơn Động 141,2%*; *TP Bắc Giang 125,3%*; *Việt Yên 123,4%*; *Hiệp Hòa 119,2%*.

b. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Ước thực hiện đạt 1.766 tỷ đồng, bằng 103,9% dự toán, bằng 102,4% so cùng kỳ.

* Ghi thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất nhà đầu tư ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng; ghi thu giá trị tài sản công thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng-xây dựng-chuyển giao (BT): 1.026 tỷ đồng.

3. Tình hình nợ đọng thuế

a) Tổng nợ đọng thuế tính đến 31/12/2021 là 714 tỷ đồng (trong đó tiền phạt chậm nộp là 134,8 tỷ đồng). Phân theo loại hình kinh tế: Khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương là 34,2 tỷ đồng, khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương là 5,9 tỷ đồng, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 35,2 tỷ đồng, doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 559 tỷ đồng, cá nhân kinh doanh là 79,4 tỷ đồng. Phân theo nhóm nợ: Nợ có khả năng thu là 632,2 tỷ đồng, nợ khó thu là 81,7 tỷ đồng, nợ đang khiếu nại 0 tỷ đồng.

b) Các biện pháp đã triển khai thực hiện 10 tháng đầu năm 2022

Thông báo tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp 50.351 lượt doanh nghiệp, yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản tiền gửi của các doanh nghiệp nợ thuế 317 phiếu yêu cầu, ban hành 755 quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi ở các tổ chức tín dụng và ngân hàng thương mại, mời làm việc tại trụ sở cơ quan thuế đối với 323 doanh nghiệp có số thuế nợ lớn kéo dài, áp dụng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với 199 doanh nghiệp, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng các đơn vị chây ỳ nợ đọng tiền thuế 7.112 lượt doanh nghiệp. Thực hiện rà soát phân tích, đối chiếu và phân loại nợ của các tổ chức cá nhân NNT.

c) Kết quả thu nợ tính đến 31/10/2022: Tổng số thuế nợ ước thu được là: 1.837 tỷ đồng, trong đó: Thu nợ năm 2021 chuyển sang 345 tỷ đồng, thu nợ phát sinh năm 2022 được 1.492 tỷ đồng.

d) Tổng số nợ đọng thuế ước đến 30/11/2022 là 659,1 tỷ đồng (trong đó tiền phạt chậm nộp là 215 tỷ đồng). Phân theo loại hình kinh tế: Doanh nghiệp nhà nước Trung ương 48,3 tỷ đồng, doanh nghiệp nhà nước địa phương 8,9 tỷ đồng, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 37,3 tỷ đồng, doanh nghiệp ngoài quốc doanh 506,8 tỷ đồng, cá nhân kinh doanh 57,8 tỷ đồng. Phân theo nhóm nợ: Nợ có khả năng thu 578,9 tỷ đồng, tỷ lệ nợ 3,9% đạt chỉ tiêu thu nợ của Tổng cục Thuế và Chỉ thị 12-CT/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định “phần đầu đến 31/12 hằng năm tỷ lệ nợ

thuế có khả năng thu ở mức dưới 5% tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh”. Trong số những đơn vị có khả năng thu, có một số đơn vị nợ lớn kéo dài, hoạt động kinh doanh kém hiệu quả không có khả năng nộp tiền thuế nợ cho Nhà nước nhưng không đủ điều kiện phân loại sang nợ khó thu như: Công ty TNHH Habada 128,5 tỷ, Công ty CPĐTPT Nhà và Đô thị tỉnh Bắc Giang 15,6 tỷ, Công ty CP Cơ khí XD số 2 Hà Bắc 21 tỷ, Công ty CP Xi măng 6,5 tỷ, Công ty TNHH MTV cơ khí hóa chất Hà Bắc 13,4 tỷ ...; Nợ khó thu 80,2 tỷ đồng, nợ đang khiếu nại 0 tỷ đồng.

đ) Các biện pháp triển khai thực hiện trong thời gian tới

Thực hiện rà soát đối chiếu các khoản thuế nợ, xử lý các khoản nợ sai sót, phân loại nợ theo quy định; Tiếp tục ban hành thông báo 07/QLN thông báo tiền thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp gửi đến NNT. Thực hiện các biện pháp QLNN theo quy định.

Thực hiện triệt để các biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với NNT có số tiền quá hạn phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 của Quốc hội;

Tiếp tục rà soát, đối chiếu, ban hành quyết định miễn tiền chậm nộp năm 2020, năm 2021 cho các DN có lỗi năm 2020 theo Nghị quyết 406 và Nghị định 92.

Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để thực hiện khoan nợ theo Luật Quản lý thuế số 38 cho các đơn vị bỏ địa chỉ kinh doanh, không còn khả năng nộp thuế vào NSNN, nhập vào chức năng Khoanh nợ theo luật Quản lý thuế số 38 trên TMS.

II. Công tác chi ngân sách

1. Công tác chỉ đạo, điều hành chi NSNN

Triển khai các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, HĐND, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các địa phương tập trung phân bổ dự toán ngân sách được giao cho các đơn vị đảm bảo thời gian theo quy định. Chủ động sử dụng dự phòng và các nguồn lực hợp pháp khác của địa phương để xử lý các nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19; kinh phí thực hiện các đề án, chính sách an sinh xã hội và cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra, trong khi chờ ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương, ngân sách tỉnh đã tạm cấp đủ kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ là 138,296 tỷ đồng và chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quy định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ là 12,433 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương cơ bản theo dự toán được giao, đáp ứng kịp thời nhu cầu chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương; nghiệp vụ chuyên môn; chính sách an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp thiết. Công tác kiểm soát chi chặt chẽ, theo đúng chế độ quy định.

Công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt, bám sát chỉ đạo của Chính phủ tại Văn bản số 4799/VPCP-KTTH ngày 16/7/2021, của Bộ Tài chính tại Văn bản số 13363/BTC-ĐT ngày 23/11/2021 v/v đẩy mạnh công tác quyết toán

vốn đầu tư công dự án hoàn thành và công văn số 794/UBND-KTTH ngày 3/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện đã quan tâm tăng cường cán bộ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành; thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý đầu tư xây dựng và thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

2. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN

Ước thực hiện chi cân đối NSDP năm 2022 đạt 38.494,499 tỷ đồng, đạt 182,2% dự toán năm. Trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển: Tổng nguồn vốn chi đầu tư XDCB năm 2022 đến 31/10/2022 (bao gồm cả vốn XSKT): 18.971,7 tỷ đồng. Trong đó: kế hoạch giao đầu năm 9.593,3 tỷ đồng, bổ sung trong năm 1.382 tỷ đồng (từ nguồn ngân sách trung ương BSMT thực hiện các chương trình MTQG 485,2 tỷ đồng; thực hiện chương trình phục hồi phát triển kinh tế xã hội 796,8 tỷ đồng; từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh 100 tỷ đồng) và chuyển nguồn năm trước sang 7.996,4 đồng (cấp tỉnh 1.566,4 tỷ đồng, cấp huyện, xã 6.430 tỷ đồng). Ước thực hiện 18.396,189 tỷ đồng; bằng 87,7% tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/01/2023.

b) Chi thường xuyên: Ước thực hiện năm cả năm 11.092,055 tỷ đồng, bằng 102,7% dự toán tình giao, bằng 95,5% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh về phòng chống dịch, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của các đơn vị sử dụng ngân sách.

Cụ thể một số lĩnh vực chi chủ yếu như sau:

- Chi quản lý hành chính: Ước thực hiện cả năm 1.771,2 tỷ đồng, bằng 101% dự toán tình giao và bằng 85,3% so cùng kỳ. Chi quản lý hành chính đảm bảo theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước; đáp ứng yêu cầu phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động của các cấp chính quyền địa phương, đoàn thể và đơn vị.... Chi QLHC giảm so cùng kỳ do năm 2021 phát sinh kinh phí bầu cử đại biểu ĐBQH khóa XV và ĐB HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2025 số tiền 65,5 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo: Ước thực hiện đạt 4.870,7 tỷ đồng, bằng 101,3% dự toán tình giao và tăng 8% so cùng kỳ. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo đảm bảo kinh phí chi thường xuyên cho các hoạt động dạy và học của cả khối giáo dục và đào tạo; kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án: Chương trình đổi mới sách giáo khoa, kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 theo nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh,...

- Chi sự nghiệp y tế: Ước thực hiện cả năm 1.229,4 tỷ đồng, bằng 97% dự toán tình giao, bằng 68% so cùng kỳ. Chi sự nghiệp y tế không đạt dự toán và thấp hơn so cùng kỳ do năm 2022 dịch bệnh cơ bản được kiểm soát nên kinh phí y tế dự phòng bố trí dự toán đầu cơ bản không thực hiện 155 tỷ đồng; kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn không thực hiện 35,9 tỷ đồng. Năm 2022, sự nghiệp y tế giảm so cùng kỳ do năm 2021 dịch bệnh

Covid -19 bùng phát trên địa bàn tỉnh nên kinh phí đảm bảo cho công tác phòng, chống dịch năm 2021 là 877 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: Ước thực hiện cả năm 855,3 đồng, bằng 119% dự toán tình giao và bằng 83,2% so cùng kỳ. Chi đảm bảo xã hội tăng do trong năm bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 109 tỷ đồng. Tuy nhiên, giảm so cùng kỳ do năm 2021 hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid -19, số tiền 484 tỷ đồng, nhưng năm 2022 không phát sinh chính sách này.

- Chi an ninh: Ước thực hiện 58,2 tỷ đồng bằng 147,8% dự toán tình giao. Chi an ninh tăng so dự toán do trong năm bổ sung kinh phí thực hiện kế hoạch, đề án, nhiệm vụ của ngành công an 18,5 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

3. Chi dự phòng ngân sách cấp tỉnh

Dự phòng ngân sách cấp tỉnh dự toán năm 2022 là 142,7 tỷ đồng; 11 tháng đầu năm đã chi là 14,533 tỷ đồng, trong đó bổ sung cho các huyện thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ là 12,433 tỷ đồng; bổ sung cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kinh phí phòng, chống bệnh viêm da nổi cục trâu, bò, phòng chống bệnh đại động vật là 2,2 tỷ đồng. Số còn lại (khoảng 128 tỷ đồng), tiếp tục tập trung ưu tiên cho công tác phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, dịch bệnh, hỗ trợ người dân, đầu tư phát triển... trong những tháng cuối năm.

Việc sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2022 đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đúng thẩm quyền, góp phần xử lý kịp thời các nhiệm vụ chi cấp thiết phát sinh.

4. Chi từ nguồn vượt thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2021

Thường trực HĐND tỉnh cho phép chuyển nguồn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2021 sang năm 2022 là 1.529,4 tỷ đồng để thực hiện các nhiệm vụ: Bổ sung quỹ dự trữ tài chính của tỉnh 74 tỷ đồng; dành nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương 861,9 tỷ đồng; bổ sung thực hiện các chính sách an sinh xã hội: 88,2 tỷ đồng; bổ sung cho các dự án quan trọng, cấp thiết của tỉnh: 257,2 tỷ đồng; kinh phí thực hiện phòng chống dịch Covid 19: 110 tỷ đồng; Bổ sung thành phố Bắc Giang để thực hiện kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng khu đô thị phía Nam: 37,7 tỷ đồng; thực hiện các đề án, chính sách, kế hoạch của tỉnh 82,4 tỷ đồng;...

Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành quyết định bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật.

5. Quản lý, sử dụng quỹ ngoài ngân sách nhà nước

Các quỹ được thành lập đều tuân thủ theo tôn chỉ hoạt động của quỹ, hoạt động chủ yếu phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội không vì mục đích lợi nhuận và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật. Thực hiện các quy định về thông tin báo cáo và công khai theo quy định của pháp luật. Trong năm 2022 đã bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể 04 tỷ đồng, Quỹ hội nông dân 01 tỷ đồng, Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo 07 tỷ đồng.

6. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản

a) Tổng nợ đọng XDCB toàn tỉnh đến 30/10/2022 là 322,4 tỷ đồng.

Trong đó:

- Cấp tỉnh quản lý là 94,5 tỷ đồng, chiếm 29% (nợ các dự án hoàn thành chưa quyết toán là 34,5 tỷ đồng; các dự án dở dang là 60 tỷ đồng).

- Cấp huyện quản lý là 97 tỷ đồng, chiếm 30% (nợ các dự án đã quyết toán là 6,7 tỷ đồng; hoàn thành chưa quyết toán là 29,1 tỷ đồng; các dự án dở dang là 61,2 tỷ đồng).

- Cấp xã quản lý là 130,9 tỷ đồng, chiếm 41% (nợ các dự án đã quyết toán là 87,9 tỷ đồng; hoàn thành chưa quyết toán là 30,3 tỷ đồng; các dự án dở dang là 12,7 tỷ đồng)..

b) Nguyên nhân nợ đọng

Nguyên nhân nợ đọng tăng do tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới song chủ yếu trông chờ vào nguồn đầu giá quyền sử dụng đất nhưng việc này gặp khó khăn nên thiếu nguồn vốn đối ứng để thực hiện đầu tư XDCB.

c) Giải pháp trong thời gian tới

- Các địa phương xây dựng lộ trình xử lý các khoản nợ đọng XDCB từ nay đến cuối năm 2022, đồng thời trong kế hoạch đầu tư công năm 2023 ưu tiên bố trí vốn xử lý dứt điểm nợ đọng từ năm 2022 trở về trước.

- Các địa phương chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của các cơ quan lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền. Đối với các dự án khởi công mới, các cấp có thẩm quyền chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt; chỉ được phê duyệt quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách. Đối với các dự án được hỗ trợ từ ngân sách cấp trên (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh), cấp thẩm quyền ở các địa phương chỉ được phê duyệt quyết định đầu tư dự án phân vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ theo đúng mức vốn đã được Sở Kế hoạch và đầu tư thẩm định.

- Đối với những công trình thật sự có hiệu quả, mức vốn hoàn thiện không lớn thì tập trung bố trí vốn đầu tư dứt điểm để đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả. Đối với những công trình có khả năng khai thác từng phần thì hoàn thiện đưa vào sử dụng từng hạng mục theo khả năng nguồn vốn cho phép, các hạng mục còn lại phải kiên quyết đình hoãn. Với những công trình dở dang khác cần có giải pháp xử lý phù hợp hoặc kiên quyết tạm dừng thực hiện.

- Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cho cả dự án ngay sau khi dự án được phê duyệt và kế hoạch sử dụng vốn hàng năm đối với số vốn được giao, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả. Trường hợp không thể giải ngân theo kế hoạch, chủ đầu tư phải kịp thời báo cáo cấp thẩm quyền để điều chuyển vốn cho dự án khác.

- Chủ đầu tư không được yêu cầu nhà thầu ứng vốn thực hiện dự án khi chưa được bố trí vốn.

III. Công tác kiểm tra, thanh tra quản lý, sử dụng ngân sách

1. Công tác quyết toán dự án hoàn thành được sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt, tạo được sự chuyển biến tích cực, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị cũng như từng cán bộ tham gia quản lý dự án đã được nâng lên. Tổng số dự án đã thẩm tra phê duyệt quyết toán là 564 công trình với giá trị quyết toán được duyệt là 2.474 tỷ đồng, giảm so với giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán là 15,8 tỷ đồng.

2. Năm 2022 toàn ngành thanh tra triển khai 122 cuộc thanh tra hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế xã hội tại 321 đơn vị; 245 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 1.543 tổ chức, cá nhân. Qua công tác thanh tra phát hiện sai phạm với tổng số tiền 85,384 tỷ đồng, 8.132m² đất; trong đó yêu cầu thu hồi về ngân sách nhà nước 57,512 tỷ đồng; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán và chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xử lý bằng các biện pháp tài chính khác 27,872 tỷ đồng và xử lý khác 8.132 m² đất. Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với 17 tập thể, 318 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 02 vụ việc 03 đối tượng.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế: cơ quan Thuế đã thực hiện thanh tra, kiểm thuế tại trụ sở người nộp thuế 495 doanh nghiệp. Kết quả truy thu, truy hoàn và phạt vi phạm hành chính 141,5 tỷ đồng; giảm khấu trừ thuế GTGT 37,9 tỷ đồng; giảm lỗ 1.123,9 tỷ đồng. Số tiền đã nộp NSNN 116,2 tỷ đồng, bằng 86,5% số thuế truy thu và phạt.

IV. Tình hình thực hiện chính sách tài khóa, hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính Phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ và Công điện số 126/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Trong đó yêu cầu các cấp, các ngành quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng thời cơ nỗ lực phấn đấu, đổi mới sáng tạo, điều hành linh hoạt, tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022, tạo đà vững chắc cho thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

1. Chính sách về thu NSNN

- Gia hạn theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022: đã gia hạn thuế TNDN cho 681 NNT với số tiền 105,8 tỷ đồng; gia hạn thuế GTGT cho 570 NNT với số tiền 266,8 tỷ đồng.

- Giảm thuế TNDN theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 cho 498 NNT với số tiền 23,4 tỷ đồng.

- Giảm phí, lệ phí theo Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 cho 15 NNT với số tiền 1,8 tỷ đồng.

- Giảm thuế suất theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 số tiền 664 tỷ đồng tiền thuế GTGT đầu ra của hàng hóa dịch vụ chịu thuế suất từ 10% xuống 8% để hỗ trợ giá mua hàng hóa dịch vụ cho người sản xuất kinh doanh và tiêu dùng (đây không phải là số thuế phát sinh phải nộp NSNN).

- Giảm thuế BVMT theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 và Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 ngày 06/7/2022 cho 5 NNT với số tiền là 190,9 tỷ đồng.

- Giảm Lệ phí trước bạ theo Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 cho 3.903 NNT với số tiền 114,1 tỷ đồng.

- Miễn thuế GTGT, TNCN, TTĐB theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC; Thông tư số 40/2021/TT-BTC, Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP cho 30.469 NNT với số tiền là 82,7 tỷ đồng.

2. Chính sách về chi NSNN

- Về kết quả cho vay các chương trình tín dụng ưu đãi: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã thực hiện cho vay 05/05 chương trình tín dụng ưu đãi, số đối tượng được hưởng chính sách là 6.947 lượt đối tượng, với số tiền vay là 290,46 tỷ đồng.

- Về chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg: Ngân sách nhà nước đã thực hiện hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động với số tiền 109,033 tỷ đồng, trong đó: Hỗ trợ người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp: 185.528 lượt đối tượng tương ứng kinh phí 92.764 triệu đồng; Hỗ trợ người lao động quay trở lại thị trường lao động: 16.269 lượt đối tượng tương ứng kinh phí: 16.269 triệu đồng.

V. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Một là, công tác điều hành chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt, thận trọng; kịp thời tổ chức triển khai thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và các khoản thu ngân sách, chính sách chi ngân sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thúc đẩy phục hồi kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định đời sống người dân.

Hai là, kết quả thu NSNN tích cực, các địa bàn, lĩnh vực, khoản thu quan trọng tiến độ dự toán đều đạt khá, góp phần đảm bảo nguồn thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Công tác quản lý thu được tăng cường. Cơ quan Thuế, Hải quan đã đẩy mạnh chống thất thu, quản lý thuế đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; quản lý hóa đơn bán hàng, điện tử hóa ở tất cả các khâu quản lý thuế; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế giá trị gia tăng đảm bảo đúng chính sách, quy định của pháp luật; đôn đốc thu hồi, xử lý nợ đọng thuế.

Ba là, quản lý chi NSNN chặt chẽ, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên ngay từ dự toán đầu năm và trong quá trình điều hành, gắn với việc triển khai công tác sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công. Các nhiệm vụ chi ngân sách đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng chống dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN; công tác quản lý, mua sắm tài sản công tại các cơ quan, đơn vị và huyện, thành phố có chuyển biến, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm theo đúng tinh thần của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước các cấp tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi NSNN, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định

mức chi, rút ngắn thời gian, tạo thuận lợi cho các đơn vị sử dụng ngân sách và chủ đầu tư.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nâng cao kỷ luật kỷ cương tài chính nhà nước.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Mặc dù tổng thể tiến độ thu NSNN hoàn thành vượt mức dự toán được giao, song khoản thu thuế bảo vệ môi trường không hoàn thành dự toán, đạt 62,7%.

- Tình trạng gian lận, trốn thuế, quản lý thu thuế đối với các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử, kinh doanh xuyên biên giới vẫn còn diễn biến phức tạp mặc dù công tác quản lý thuế ở lĩnh vực này đã được quan tâm, kết quả thu bước đầu là khả quan nhưng vẫn còn hạn chế.

- Nợ đọng thuế đã giảm so cùng kỳ nhưng vẫn còn ở mức cao.

- Tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ chi còn chậm, nhất là các nhiệm vụ chi mua sắm hàng hóa, trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác chuyên môn và triển khai một số chính sách phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Một số địa phương nhất là cấp xã chưa quan tâm bố trí vốn để xử lý nợ đọng XDCB, chưa bố trí vốn đảm bảo tiến độ thực hiện dự án. Một số dự án công trình có số dư tạm ứng XDCB kéo dài nhưng chưa có biện pháp xử lý dứt điểm.

- Việc cân đối bố trí kinh phí đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, thực hiện Đề án, cơ chế, chính sách của tỉnh còn khó khăn.

PHẦN II DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Năm 2023 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, phân đầu xây dựng tỉnh Bắc Giang phát triển toàn diện, vững chắc, nằm trong 15 tỉnh, thành phố phát triển có quy mô kinh tế (GRDP) dẫn đầu cả nước vào năm 2025. Với dự báo về tình hình kinh tế - xã hội và quán triệt các yêu cầu, nhiệm vụ phát triển trong thời gian tới, xác định mục tiêu NSNN năm 2023 là: Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, đảm bảo nguồn cho chính sách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội; thực hiện cơ cấu lại NSNN gắn với việc sắp xếp tổ chức lại bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công lập; tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên NSNN để tăng cường nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Dự báo năm 2023, bên cạnh những thuận lợi đồng thời tiếp tục đà và tốc độ tăng trưởng trong những năm qua và những chuyển biến tích cực trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, củng cố niềm tin của doanh nghiệp và người dân ở mức cao, cũng còn không ít những khó khăn thách thức; hoạt động của nhiều doanh nghiệp còn khó khăn, chi phí lớn, tình hình thiên tai, dịch bệnh có thể tiếp tục diễn biến bất thường sẽ là những yếu tố tác động tới việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2023.

Trên cơ sở đánh giá khả năng thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022, với mục tiêu nhiệm vụ tài chính NSNN năm 2023, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự toán NSNN năm 2023 như sau:

I. Dự toán thu NSNN

Căn cứ dự toán thu NSNN Trung ương giao, UBND tỉnh xây dựng dự toán thu cân đối NSNN năm 2023 trên địa bàn tỉnh là: 15.043,018 tỷ đồng, bằng 118,4% dự toán Trung ương giao, bằng 82,8% so ước thực hiện năm 2022. Trong đó:

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 1.900 tỷ đồng, bằng 100% dự toán Trung ương giao, chiếm tỷ trọng 12,6% tổng thu cân đối NSNN.

- Thu nội địa: 13.128 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng đất 6.000 tỷ đồng, thu xổ số kiến thiết 25 tỷ đồng, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế 6 tỷ đồng), bằng 121,5% dự toán Trung ương giao. Trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế, thu nội địa là 7.097 tỷ đồng, bằng 113,1% dự toán Trung ương giao, bằng 105,1% ước thực hiện năm 2022, chiếm 47,2% tổng thu cân đối NSNN.

- Thu viện trợ¹: 15,018 tỷ đồng.

* Ghi thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất nhà đầu tư ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng²; ghi thu giá trị tài sản công thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng-xây dựng-chuyển giao (BT): 1.050 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng đất 900 tỷ đồng; thu tiền thuê đất 150 tỷ đồng).

* Tổng thu ngân sách địa phương (NSĐP): 22.141,053 tỷ đồng. Bao gồm:

- Thu NSĐP được hưởng: 12.795,4 tỷ đồng, bằng 121,9% so dự toán Trung ương giao;

- Thu bổ sung cân đối: 6.038,661 tỷ đồng;

- Thu bổ sung có mục tiêu: 3.291,974 tỷ đồng. Gồm:

+ Thu bổ sung các dự án (vốn đầu tư): 2.228,626 tỷ đồng;

+ Thu bổ sung thực hiện các chế độ chính sách: 104,471 tỷ đồng;

+ Bổ sung thực hiện 03 chương trình MTQG: 958,877 tỷ đồng.

- Thu viện trợ: 15,018 tỷ đồng.

II. Dự toán chi NSĐP

1. Nguyên tắc, định hướng phân bổ dự toán chi NSĐP

Căn cứ chỉ đạo của Bộ Tài chính, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh nguyên tắc, định hướng bố trí dự toán chi NSĐP năm 2023 như sau:

Thứ nhất, bố trí kinh phí cho các lĩnh vực giáo dục- đào tạo, khoa học công nghệ, dự phòng ngân sách không thấp hơn mức Trung ương giao.

Thứ hai, bố trí chi trả lãi đầy đủ, đúng hạn. Quản lý chặt chẽ các khoản vay.

¹ Vốn viện trợ không hoàn lại của cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) Hỗ trợ sau dự án cho Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang: 14,642 tỷ đồng; Tổ chức phi chính phủ The Free Wheelchair Mission thuộc Mỹ viện trợ cho Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Bắc Giang 0,3759 tỷ đồng.

² Theo quy định tại NĐ số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền thuê đất; NĐ số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 và NĐ số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các NĐ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước, theo đó cho phép đối tượng thuê đất không qua hình thức đấu giá và nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, GPMB theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, khi đó số tiền đã ứng trước được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo phương án được duyệt; mức trừ không vượt quá số tiền thuê đất phải nộp. Tại khoản 2, khoản 4 Điều 8 Luật NSNN thì toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào NSNN, các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Thứ ba, bố trí chi thường xuyên theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ HĐND đã quyết định, nhưng yêu cầu triệt để tiết kiệm gắn với tinh gọn bộ máy, nâng cao tự chủ đơn vị sự nghiệp công phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù từng lĩnh vực.

Thứ tư, ưu tiên cho các nhiệm vụ y tế dự phòng, chính sách an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh.

Thứ năm, phân bổ ngân sách tiết kiệm, chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác đồng thời phù hợp với khả năng cân đối NSNN.

Thứ sáu, đối với kinh phí số thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương: dự kiến phân bổ kinh phí năm 2023 cho các đơn vị như sau:

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: Phân bổ kinh phí phần ngân sách tỉnh được hưởng

+ Ban ATGT tỉnh: 2,138 tỷ đồng;

+ Lực lượng thanh tra giao thông: 1 tỷ đồng.

- Đối với ngân sách các huyện, thành phố: Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố khoảng 21% số thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông phát sinh trên địa bàn từng huyện, thành phố trên cơ sở số thu năm liền trước năm hiện hành.

Thứ bảy, đối với trích lập quỹ phát triển đất: Nguồn vốn của Quỹ phát triển đất năm 2022 là 877 tỷ đồng. Đến 31/10/2022, Quỹ phát triển đất tỉnh có số tồn dư quỹ là 102,8 tỷ đồng. Tồn quỹ ước đến 31/12/2022 là 196 tỷ đồng.

Tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định: “Căn cứ kế hoạch sử dụng đất hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ phát triển đất khi thành lập, mức trích bổ sung cho Quỹ phát triển đất cụ thể hàng năm cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương”.

Xuất phát từ nhu cầu nguồn vốn để đầu tư các công trình cấp thiết của tỉnh thuộc các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2023, đồng thời không làm ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Quỹ phát triển đất và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, UBND tỉnh đề nghị bố trí 50 tỷ đồng.

Thứ tám, đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

- Đối với các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: NSNN hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Đồng thời, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở đó, giảm chi ngân sách đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên 37,5 tỷ đồng.

Thứ chín, bổ sung nguồn NSDP cho Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác năm 2023: 30 tỷ đồng.

Thứ mười, phân bổ kinh phí bảo vệ phát triển đất trồng lúa

Tổng nguồn phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023: 195,296 tỷ đồng (kinh phí Trung ương hỗ trợ: 65,296 tỷ đồng; giao thu trên địa bàn tỉnh: 60 tỷ đồng; dự toán giao tăng thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa so dự toán Trung ương: 70 tỷ đồng).

Nguyên tắc phân bổ: Đảm bảo các nội dung chi theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính.

Phương án phân bổ:

- Hỗ trợ cho người trồng lúa: 63 tỷ đồng. Trong đó:

+ Cấp tỉnh: 36 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ UBND các huyện thành phố: 27 tỷ đồng.

- Đối với đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn: 63 tỷ đồng bố trí tại ngân sách tỉnh sau khi sửa đổi, bổ sung Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang sẽ phân bổ; giao tăng 70 tỷ đồng thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa bố trí tại ngân sách tỉnh căn cứ khả năng thực hiện đạt được dự toán thu mới phân bổ.

Mười một, bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG vốn sự nghiệp: 62,796 tỷ đồng.

Mười hai, ngân sách tỉnh hỗ trợ các huyện thành phố: kinh phí hỗ trợ đảng viên cao tuổi theo Quy định số 416-QĐ/TU; hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục theo Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND; kinh phí hỗ trợ hàng tháng đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND; hỗ trợ triển khai thực hiện Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022- 2025; hỗ trợ thực hiện công tác khuyến nông khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Kinh phí trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn huấn luyện; hỗ trợ triển khai thực hiện Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022- 2025; hỗ trợ phát triển du lịch, nông nghiệp nông thôn (xúc tiến đầu tư phát triển du lịch và lễ hội huyện Yên Thế, Sơn Động và 4 xã vùng lòng hồ Cẩm Sơn giai đoạn 2022 -2026 để hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ du lịch);....

Mười ba, đối với phân bổ từ dự toán tăng thu ngân sách địa phương được hưởng so với dự toán Trung ương giao (không bao gồm tăng thu tiền sử dụng đất 1.500 tỷ đồng; tăng thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa 70 tỷ đồng; tăng thu viện trợ 15,018 tỷ đồng):

Dự toán thu năm 2023 tỉnh giao tăng so với dự toán Trung ương giao là 751 tỷ đồng, trong đó phần ngân sách địa phương được hưởng là 731 tỷ đồng thực hiện phân bổ:

- Dành nguồn để thực hiện cải cách tiền lương: 511,7 tỷ đồng;
- Bổ sung dự phòng ngân sách địa phương: 56,6 tỷ đồng;
- Số còn lại (sau khi đã phân bổ các nội dung trên) 162,692 tỷ đồng, dự kiến phân bổ:

- + Chi đầu tư phát triển: 67,596 tỷ đồng;
- + Chi thường xuyên: 67,596 tỷ đồng.
- + Phân bổ tăng chi ngân sách thành phố Bắc Giang do tăng thu dự toán tỉnh giao so dự toán TW giao điều tiết ngân sách cấp thành phố 27,5 tỷ đồng.

2. Dự toán chi cân đối NSDP năm 2023

Với nguyên tắc, định hướng như trên, dự toán tổng chi NSDP năm 2023 (bao gồm cả bội chi ngân sách địa phương và chi từ nguồn viện trợ) là 22.172,753 tỷ đồng, tăng 4,9% so dự toán năm 2022, tăng 11,7% so dự toán Trung ương giao. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 9.540,602 tỷ đồng, bằng 119,7% dự toán trung ương bố trí và bằng 99,5% so dự toán năm 2022 (giảm chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.030 tỷ đồng; giảm bội chi ngân sách địa phương 319,1 tỷ đồng; tăng nguồn vốn bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu 725,568 tỷ đồng; tăng chi thực hiện CTMTQG vốn đầu tư 540,2 tỷ đồng), chiếm 43% tổng chi cân đối ngân sách địa phương).

- Chi thường xuyên: 11.197,621 tỷ đồng, bằng 100,6% dự toán trung ương giao và tăng 3,7% so dự toán năm 2022, chiếm 50,5% tổng chi cân đối ngân sách địa phương. Trong chi thường xuyên đã bố trí kinh phí y tế dự phòng 64 tỷ đồng; Chi mua sắm tài sản: 20 tỷ đồng; chi từ nguồn viện trợ 15,018 tỷ đồng.

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia vốn sự nghiệp: 481,433 tỷ đồng (trong đó đối ứng vốn sự nghiệp địa phương 62,796 tỷ đồng);

- Dự phòng ngân sách: 434,841 tỷ đồng, bằng 113,5% dự toán năm 2022; bằng 131,5% dự toán TW giao;

- Quỹ dự trữ tài chính: 1,2 tỷ đồng, bằng 100% dự toán trung ương giao;

- Chi trả nợ lãi vay: 5,356 tỷ đồng.

3. Dự toán ghi chi GPMB nhà đầu tư ứng trước được trừ vào tiền thuê đất; ghi chi giá trị tài sản công thanh toán dự án BT: 1.050 tỷ đồng.

4. Dự toán chi tiết chi cân đối ngân sách các cấp

4.1. Dự toán chi cân đối ngân sách cấp tỉnh: 10.450,4 tỷ đồng, bằng 115,2% dự toán năm 2022. Trong đó:

a. Chi đầu tư phát triển: 5.453,102 tỷ đồng, bằng 111,3% dự toán năm 2022. Dự toán chi đầu tư phát triển tăng do: tăng nguồn vốn bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu 725,568 tỷ đồng; tăng chi thực hiện CTMTQG vốn đầu tư 540,2 tỷ đồng; giảm chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 390,5 tỷ đồng; giảm bội chi ngân sách địa phương 319,1 tỷ đồng.

b. Chi thường xuyên: 3.798,522 tỷ đồng, bằng 103,5% dự toán năm 2022. Trong đó: sự nghiệp giáo dục - đào tạo tăng 10% so dự toán năm 2022; các lĩnh vực còn lại tăng 1,5% so dự toán năm 2022.

Trong chi thường xuyên đã bố trí: đề án chuyên đổi số 130,5 tỷ đồng; các chương trình, đề án, kế hoạch, chính sách 285,9 tỷ đồng; chính sách bảo

hiểm y tế hộ cận nghèo và hộ nông lâm nghiệp 35,5 tỷ đồng; bảo hiểm xã hội tự nguyện 19 tỷ đồng; kinh phí đề án nhiệm vụ mới: 90 tỷ đồng.

c. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,2 tỷ đồng, bằng 100% dự toán năm 2022.

d. Dự phòng ngân sách: 199,095 tỷ đồng, bằng 139,5% dự toán năm 2022.

đ. Kinh phí chương trình MTQG vốn sự nghiệp 481,433 tỷ đồng (trong đó đối ứng ngân sách địa phương 62,796 tỷ đồng);

e. Chi trả nợ lãi: 5,356 tỷ đồng.

4.2. Dự toán chi ngân sách cấp huyện, thành phố: 9.986,435 tỷ đồng, bằng 96,8% dự toán năm 2022 (giảm do giảm chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất). Trong đó:

a. Chi đầu tư XD CB, kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh phí đo đạc lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.667,5 tỷ đồng, bằng 86,7% dự toán năm 2022. Dự toán chi đầu tư giảm là do giảm chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 564,5 tỷ đồng.

b. Chi thường xuyên: 6.117,934 tỷ đồng, bằng 104% dự toán năm 2022. Trong chi thường xuyên đã bố trí kinh phí: Kinh phí miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND; chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; kinh phí bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách; kinh phí mua BHYT cho cựu chiến binh, thanh niên xung phong, đối tượng tham gia kháng chiến Lào, Campuchia; Kinh phí mua BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội; Chế độ mai táng phí CCB, TNXP, dân công hỏa tuyến; hỗ trợ hoạt động xử lý rác theo NQ 06/2020/NQ-HĐND;...

c. Dự phòng ngân sách: 201 tỷ đồng, bằng 97,7% dự toán năm 2022.

4.3. Dự toán chi ngân sách cấp xã: 1.735,91 tỷ đồng, bằng 99,8% dự toán năm 2022 (giảm do giảm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất). Trong đó:

a. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 420 tỷ đồng, bằng 90,7% dự toán năm 2022. Dự toán chi đầu tư cấp xã giảm là do giảm chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 43 tỷ đồng.

b. Chi thường xuyên: 1.281,165 tỷ đồng, bằng 103,2% dự toán năm 2022. Trong chi thường xuyên bố trí đủ kinh phí trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn huấn luyện, kinh phí thực hiện toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh; kinh phí hỗ trợ hàng tháng đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND;...

c. Dự phòng ngân sách: 34,745 tỷ đồng, bằng 99,9% dự toán năm 2022.

III. Giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán NSNN năm 2023

Để phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023, các cấp, các ngành, tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo các Nghị quyết Tỉnh ủy, Nghị quyết HĐND tỉnh. Đặc biệt là thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, chống thất thu trên địa bàn tỉnh. Trong đó, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp quan trọng sau đây:

Một là, chủ động triển khai quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội; thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội,... bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng tạo nền tảng phục hồi và phát triển, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Hai là, phân đầu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất để đảm bảo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường công tác quản lý thu.

Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt công tác chống thất thu thuế, thu hồi nợ thuế đúng, đủ, kịp thời. Tăng cường sự phối hợp các cấp, các ngành và địa phương trong công tác kết nối, khai thác, đối chiếu chéo thông tin chống chuyển giá, trốn thuế, quản lý hiệu quả các nguồn thu phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, kinh doanh qua mạng; tập trung quản lý đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, thuế TNCN của cá nhân có nhiều nguồn thu nhập... để mở rộng cơ sở thuế, tăng thu cho ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế GTGT, tổ chức việc thu ngân sách nhà nước hiệu quả.

Đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ tham mưu, quản lý, sử dụng NSNN; hạn chế tình trạng các huyện, thành phố xây dựng và đăng ký kế hoạch dự toán thu tiền sử dụng đất với tính thấp, nhưng khi giao dự toán chính thức cao hơn.

Ba là, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính.

Ưu tiên nguồn lực vào các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của tỉnh phục vụ các mục tiêu phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao; kịp thời điều chuyển vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công để sử dụng vốn có hiệu quả.

Đổi mới quản lý chi thường xuyên, đẩy mạnh cơ chế khoán, đấu thầu, đặt hàng; tăng cường phân cấp, trao quyền tự chủ, khuyến khích sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội. Ưu tiên dành nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm các nhiệm vụ về an ninh - quốc phòng, các nhiệm vụ quan trọng thiết yếu; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết, các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền.

Quản lý chặt chẽ các khoản vay và bố trí thanh toán trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

Không ban hành các chính sách, kế hoạch, đề án làm tăng chi ngân sách mà không có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - NSNN, công khai ngân sách; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng NSNN, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí. Quản lý chặt chẽ các khoản chi NSNN theo đúng dự toán được giao. Hạn chế tối đa việc chuyển nguồn.

Quan tâm xử lý, giảm tỷ lệ và mức nợ đọng xây dựng cơ bản; không để phát sinh nợ đọng mới. Giao cơ quan Kế hoạch Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước

kiểm soát nợ đọng XDCCB; không cho giải ngân đối với các công trình, dự án không báo cáo tình trạng nợ đọng XDCCB.

Bốn là, tiếp tục thực hiện đồng bộ có hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, nhằm từng bước cơ cấu lại chi NSNN, tiết kiệm chi thường xuyên để có nguồn lực tăng chi cho đầu tư phát triển.

Năm là, đẩy mạnh cải cách hành chính kết hợp chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, xây dựng chính phủ điện tử; tiếp tục cải thiện thực chất môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tăng tính công khai, minh bạch.

Sáu là, thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh, kiểm tra, kiểm toán đối với những trường hợp vi phạm, gây thất thoát, lãng phí tiền, tài sản nhà nước.

Phần III MỘT SỐ NỘI DUNG TRÌNH HĐND TỈNH

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo nội dung sau:

Giữ ổn định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2022-2025 theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021.

Tại khoản 3, mục I, Phần B của Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 quy định "*Căn cứ vào dự toán chi NSĐP năm 2023, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa NSTW và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương áp dụng cho giai đoạn 2023-2025 và số bổ sung cân đối năm 2023 Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp chính quyền địa phương và số bổ sung ngân sách cho chính quyền cấp dưới trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định để áp dụng từ năm 2023*".

Tại khoản 2, Điều 16 của Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 quy định "*Căn cứ vào dự toán NSĐP năm 2023, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa NSTW và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác định lại áp dụng cho giai đoạn 2023-2025 và số bổ sung cân đối năm 2023 Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp chính quyền địa phương và số bổ sung ngân sách cho chính quyền cấp dưới trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định để áp dụng từ năm 2023*".

Năm 2022, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 40/2021/QH15 về phân bổ NSTW năm 2022, trong đó điểm 2, Điều 2 đã quy định: "*Tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa NSTW và NSĐP và số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSĐP áp dụng riêng cho năm 2022. Căn cứ tình hình thực tế, năm 2023, Quốc hội sẽ quy định lại cho phù hợp*". Năm 2023, Quốc hội quyết định lại tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa NSTW và NSĐP năm 2023, áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách đến năm 2025 và số bổ sung cân đối ngân sách cho từng địa phương năm 2023.

Trên cơ sở số liệu báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội về dự toán thu NSNN và dự toán chi NSNN năm 2023, xác định lại tỷ lệ điều tiết và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Đối với tỉnh Bắc Giang tỷ lệ % phân chia giữa NSTW và NSDP vẫn ổn định như năm 2022. Do đó, căn cứ vào các quy định nêu trên và tình hình thực tế tại địa phương, khả năng cân đối NSDP. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét giữ nguyên quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2022-2025 theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, đối với số bổ sung cân đối ngân sách huyện, thành phố được xác định trên cơ sở số thu ngân sách huyện, thành phố được hưởng theo phân cấp.

PHẦN IV

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NSNN 3 NĂM 2023 – 2025

I. Kế hoạch thu NSNN trên địa bàn

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 5 năm 2021 - 2025 và dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2023, trên cơ sở dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2024, 2025; kế hoạch thu NSNN 03 năm 2023 - 2025 (chỉ bao gồm thu nội địa cân đối ngân sách) như sau:

1. Thu nội địa: dự kiến môi trường kinh tế và hiệu quả quản lý thuế cải thiện; thu tiền sử dụng đất có xu hướng giảm. Dự kiến thu nội địa như sau: Năm 2023: 13.128 tỷ đồng; Năm 2024: 13.840 tỷ đồng; Năm 2025: 14.622 tỷ đồng. Trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại thì thu nội địa giai đoạn 2023 - 2025 là: Năm 2023: 7.097 tỷ đồng; Năm 2024: 7.808 tỷ đồng; Năm 2025: 8.589 tỷ đồng.

2. Thu từ xuất nhập khẩu do Hải quan thu: Năm 2023: 1.900 tỷ đồng; Năm 2024: 1.937,6 tỷ đồng; Năm 2025: 1.976,4 tỷ đồng.

3. Thu viện trợ: 15,018 tỷ đồng; Năm 2023: 15,018 tỷ đồng.

II. Kế hoạch chi NSNN

Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024, năm 2025; dự kiến nguồn thu ngân sách trên địa bàn, nguồn thu của địa phương theo phân cấp; mức trần bổ sung từ NSTW cho NSDP do cơ quan có thẩm quyền thông báo. Định hướng bố trí NSNN 03 năm 2023 - 2025 như sau:

- Bố trí đầu tư phát triển đảm bảo các nguyên tắc cân đối ngân sách, các quy định hiện hành về quản lý ngân sách cho chi đầu tư phát triển.

- Bố trí chi trả lãi, trả nợ gốc vay đầy đủ, đúng hạn.

- Bố trí chi dự phòng để đảm bảo cho các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cấp bách.

- Rà soát các lĩnh vực, nhiệm vụ chi để bố trí có trọng tâm, ưu tiên bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương, y tế dự phòng, các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và các chính sách an sinh xã hội, tích cực triển khai cơ chế hoạt động tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình thực hiện tính giá dịch vụ sự nghiệp công.

Dự kiến phân bổ dự toán chi trong kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2023 - 2025 của tỉnh như sau:

- Năm 2023: 22.172,753 tỷ đồng;
- Năm 2024: 22.770,744 tỷ đồng;
- Năm 2025: 23.502,844 tỷ đồng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp về thu Ngân sách nhà nước

- Thực hiện quyết liệt các biện pháp thu, đảm bảo thu đúng, đủ, kịp thời các nguồn thu; tránh thất thu, nợ đọng, trốn thuế; tích cực khai thác các nguồn thu mới để tăng thu NSNN.

- Thực hiện tốt công tác quản lý thu, đẩy mạnh và mở rộng triển khai hóa đơn điện tử, chống chuyển giá, trốn lậu thuế; đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa trong công tác quản lý thuế, hải quan, Kho bạc Nhà nước.

2. Nhóm giải pháp về chi Ngân sách nhà nước

- Từng bước thực hiện giảm tỷ lệ chi thường xuyên trong tổng chi NSNN, tăng chi đầu tư phát triển; giảm chi trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp công lập, chi tập trung vào các dịch vụ công NSNN phải bảo đảm hoặc hỗ trợ một phần theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tinh giản biên chế, sử dụng nguồn lực hợp lý, kết hợp tăng thu để cân đối nguồn thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn và cải cách tiền lương.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý và sử dụng NSNN.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2022; Dự kiến phân bổ dự toán NSNN năm 2023; kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023 – 2025, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TPKT, TH;
- + Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

